

TƯ TƯỞNG THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT TRONG VĂN HOÁ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN NGỌC HÀ*

Ở Việt Nam, nhà nước xuất hiện cách đây hàng nghìn năm và từ đó đã có văn hoá chính trị. Văn hoá chính trị Việt Nam hiện nay chứa đựng các giá trị truyền thống và các giá trị hiện đại. Những giá trị truyền thống của văn hoá chính trị Việt Nam là các tư tưởng yêu nước, độc lập dân tộc, tự cường dân tộc, tự hào dân tộc, đoàn kết, nhân nghĩa, lấy dân làm gốc, trọng trí tuệ và nhiều tư tưởng khác. Những giá trị hiện đại của văn hoá chính trị Việt Nam là các tư tưởng thượng tôn pháp luật, bình đẳng, tự do, dân chủ, v.v.. Tư tưởng thượng tôn pháp luật là một giá trị cơ bản của văn hoá chính trị Việt Nam hiện nay. Phát huy giá trị này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực chất của tư tưởng thượng tôn pháp luật

Tư tưởng thượng tôn pháp luật về thực chất là sự thừa nhận tính tối cao của pháp luật. Theo tư tưởng đó, mọi người đều phải tuân thủ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, được làm những việc mà pháp luật không cấm. Nhà nước phải bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của mọi công dân. Tư tưởng thượng tôn pháp luật là giá trị của văn hoá chính trị hiện đại. Văn hoá chính trị thống

trị của xã hội chiếm hữu nô lệ và xã hội phong kiến không thừa nhận mọi người tuân thủ pháp luật và đều bình đẳng trước pháp luật; vì thế, ở văn hoá chính trị đó chưa có tư tưởng thượng tôn pháp luật. Khi xã hội tư bản chủ nghĩa ra đời, thì nhà nước pháp quyền mới xuất hiện và từ đó mới có tư tưởng thượng tôn pháp luật.

Văn hoá chính trị Việt Nam trong thời kỳ phong kiến chịu ảnh hưởng lớn từ tư tưởng đức trị của Nho gia và tư tưởng pháp trị của Pháp gia. Tư tưởng đức trị của Nho gia tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức và coi nhẹ vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội. Tư tưởng đó không thượng tôn pháp luật. Tư tưởng pháp trị của Pháp gia đề cao vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội. Mặc dù vậy, về thực chất, tư tưởng pháp trị của Pháp gia cũng không thượng tôn pháp luật; vì nó vẫn coi vua là người đứng trên luật pháp. Tư tưởng thượng tôn pháp luật gắn liền với tư tưởng dân chủ. Bởi vì, tư tưởng dân chủ không thừa nhận bất kỳ một cá nhân nào là chủ nhân độc tôn của đất nước. Tư tưởng dân chủ thừa nhận rằng, Dân là chủ của đất nước; Dân có quyền tối cao chứ không phải vua; Nhà nước là của Dân chứ không phải là của vua; pháp luật là do Dân định chứ không phải do vua định. Dân ở đây là toàn dân, chứ không phải là một người hoặc một tập đoàn người nào đó. Trong xã

* Phó giáo sư, tiến sỹ. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

hội thường không có sự nhất trí hoàn toàn giữa tất cả mọi người về các vấn đề liên quan đến đất nước, nhưng với tư tưởng dân chủ thì thiếu số phải phục tùng đa số và ý chí của đa số được mọi người thừa nhận là ý chí của Dân. Một số người trong lịch sử không coi tư tưởng dân chủ là giá trị, vì theo họ, không phải bao giờ quyết định của đa số cũng là chân lý. Nhưng hiện nay, tư tưởng dân chủ đã trở thành giá trị phổ biến của nhân loại, phổ biến đến mức mà nước nào cũng tuyên bố thực hiện dân chủ và đều phản ứng gay gắt khi bị chỉ trích vi phạm quyền dân chủ của công dân. Trong xã hội quân chủ, pháp luật do vua định, người ta thượng tôn vua chứ không thượng tôn pháp luật. Trong xã hội dân chủ, pháp luật do Dân định, người ta thượng tôn Dân và cũng là thượng tôn pháp luật của Dân. Như vậy, tư tưởng thượng tôn pháp luật gắn liền với tư tưởng thượng tôn Dân.

Tư tưởng thượng tôn pháp luật ở Việt Nam

Ở Việt Nam, Nhà nước xuất hiện cách đây hàng nghìn năm, nhưng từ khi ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (2/9/1945), thì xã hội phong kiến hoặc nửa phong kiến bị xóa bỏ và từ lúc đó trong thực tiễn chính trị của Việt Nam mới có tư tưởng thượng tôn pháp luật. Tư tưởng thượng tôn pháp luật được thể hiện rõ ràng trong bản Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong tên gọi của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có các chữ “dân chủ”, “cộng hòa” với ý nghĩa rằng, Nhà nước Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân làm chủ,

là nhà nước pháp quyền; Nhà nước đó thừa nhận mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, đều được làm những việc mà pháp luật không cấm; Nhà nước đó bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của mọi công dân. Như vậy, tên gọi nước *Việt Nam dân chủ cộng hòa* cũng đã thể hiện tư tưởng thượng tôn pháp luật.

Tư tưởng thượng tôn pháp luật trong văn hóa chính trị Việt Nam đã có lịch sử gần 70 năm. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều người vẫn chưa quán triệt tư tưởng này, họ coi thường pháp luật và vi phạm pháp luật. Ở nước nào thì cũng có một số người vi phạm pháp luật, nghĩa là không có tư tưởng thượng tôn pháp luật. Tuy nhiên, ở Việt Nam, số người không có tư tưởng thượng tôn pháp luật còn nhiều; tình trạng vi phạm pháp luật khá phổ biến; biểu hiện của sự vi phạm pháp luật rất đa dạng¹. Ngay cả một số người có trách nhiệm thực thi pháp luật cũng vi phạm pháp luật. Chẳng hạn, tham nhũng là một hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng và đang là quốc nạn ở Việt Nam. Người tham nhũng là người có chức quyền; họ có trách nhiệm khuyên dạy người khác phải chấp hành luật pháp, nhưng chính họ lại vi phạm pháp luật. Vì sao một số người Việt Nam vẫn chưa quán triệt tư tưởng thượng tôn pháp luật? Điều này có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chính như sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, lịch sử phát triển của Nhà nước pháp quyền chưa lâu dài. Trên thế giới, nước nào có hệ thống pháp luật chặt chẽ,

thì ở nước đó số người vi phạm pháp luật càng ít. Nước nào mà lịch sử phát triển Nhà nước pháp quyền càng lâu dài, thì nước đó càng có ít người vi phạm pháp luật. Bởi vì, ở những nước như vậy, tư tưởng thượng tôn pháp luật càng có ảnh hưởng lớn. Lịch sử xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam chưa lâu; trong thời gian chưa lâu đó, Việt Nam lại phải trải qua hai cuộc kháng chiến kéo dài. Đây là lý do chính làm cho hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện.

Thứ hai, tư tưởng đức trị vẫn có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Đạo đức có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi của con người. Khuyến dạy mọi người sống có đạo đức là việc làm quan trọng và cần thiết để quản lý xã hội. Các nước trên thế giới từ trước đến nay đều khuyến dạy mọi người sống có đạo đức. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức trong quản lý xã hội, thì sẽ dẫn đến tư tưởng coi nhẹ vai trò của pháp luật. Điều đó là trái ngược với tư tưởng thượng tôn pháp luật. Bởi vì, chuẩn mực đạo đức không rõ ràng và cụ thể như chuẩn mực pháp luật. Chuẩn mực đạo đức dễ bị uốn theo nhận thức của từng người; sự trừng phạt hành vi vi phạm đạo đức không minh bạch và có tính răn đe như sự trừng phạt hành vi vi phạm pháp luật. Khi có sự xung đột giữa chuẩn mực đạo đức và chuẩn mực pháp luật thì người không thượng tôn pháp luật thường hành động không theo chuẩn mực pháp luật. Chẳng hạn, họ có thể “chín bỏ làm mười”; coi “trăm cái lý không bằng một tý cái tình”; coi “phép vua thua lệ làng”. Người quản lý cần khuyến dạy người dân

sống có đạo đức, nhưng trước hết cần phải thượng tôn pháp luật.

Thứ ba, tình trạng Đảng làm thay Nhà nước còn tồn tại ở một số cơ quan. Xét về lý thuyết thì Đảng và Nhà nước là khác nhau; Đảng lãnh đạo chứ không quản lý; Nhà nước quản lý chứ không lãnh đạo; Nhà nước là tổ chức của mọi công dân; còn Đảng là tổ chức tự nguyện của các đảng viên. Nguyên tắc hoạt động của Đảng khác với nguyên tắc hoạt động của Nhà nước. “Thiểu số phục tùng đa số” là một nguyên tắc trong hoạt động của Đảng. Với nguyên tắc “thiểu số phục tùng đa số” trong hoạt động của Đảng, người đứng đầu tổ chức đảng cũng buộc phải thực hiện quyết định của đa số dù không đồng ý với quyết định đó; nếu ai không thực hiện thì sẽ bị kỷ luật của Đảng với hình thức cao nhất là khai trừ khỏi Đảng. Nhiều cơ quan nhà nước hoạt động không theo nguyên tắc “thiểu số phục tùng đa số”. Ở đó quyết định của lãnh đạo cơ quan nhà nước là bắt buộc đối với mọi thành viên của cơ quan, các thành viên còn lại của cơ quan dù có đồng ý hay không cũng phải thực hiện; nếu ai không thực hiện thì sẽ bị xử phạt theo pháp luật. Xét về lý thuyết thì như vậy. Nhưng trên thực tế ở một số cơ quan vẫn có tình trạng Đảng làm thay Nhà nước. Tình trạng này xuất hiện do một số người đồng nhất sự lãnh đạo của Đảng với sự quản lý của Nhà nước; đồng nhất quyết định của Đảng với quyết định của Nhà nước; coi quyết định của Đảng dù chưa được pháp luật hóa cũng có tính bắt buộc đối với mọi công dân giống như pháp luật của Nhà nước; thậm chí coi quyết định của Đảng cao hơn quyết định

của Nhà nước. Trong Nhà nước pháp quyền với tư tưởng thượng tôn pháp luật thì pháp luật là tối cao; mọi người được làm những việc mà các văn bản pháp luật hiện hành không cấm; mặc dù một đảng nào đó có vai trò lãnh đạo, nhưng quyết định của đảng đó vẫn nằm trong khuôn khổ pháp luật và ở dưới pháp luật của Nhà nước. Tình trạng một số người ở nước ta hiện nay coi quyết định của Đảng như (hoặc cao hơn) pháp luật của Nhà nước là biểu hiện của tư tưởng không thượng tôn pháp luật².

Thứ tư, trình độ hiểu biết pháp luật của một số người dân chưa cao. Một số người tuy nhận thức được pháp luật, nhưng cố tình vi phạm pháp luật. Nhưng cũng có không ít người do không nhận thức được pháp luật, nên vô tình vi phạm pháp luật. Nhận thức yếu kém của một số người về pháp luật là một nguyên nhân dẫn đến tư tưởng không thượng tôn pháp luật. Nhận thức yếu kém của một số người về pháp luật lại là kết quả của những nguyên nhân khác. Văn bản pháp luật rườm rà, chung chung là một nguyên nhân gây khó khăn cho việc tìm hiểu pháp luật. Trên thực tế có không ít văn bản pháp luật khó hiểu đối với ngay cả các luật gia, những văn bản này đương nhiên càng khó hiểu đối với những người không chuyên về luật.

Để phát huy tư tưởng thượng tôn pháp luật

Tư tưởng thượng tôn pháp luật là một giá trị văn hóa cần được phát huy hơn nữa, đặc biệt trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Để phát

huy tư tưởng thượng tôn pháp luật, cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó có các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tuyên truyền pháp luật và thực hiện nghiêm minh pháp luật. Hệ thống văn bản pháp luật phải hoàn thiện, nghĩa là phải toàn diện, chính xác, rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ. Khi có pháp luật thì phải tuyên truyền pháp luật để mọi người dân hiểu được rằng, mình được phép làm cái gì và không được phép làm cái gì. Bước tiếp theo là thực hiện nghiêm minh pháp luật. Nếu một trường hợp vi phạm pháp luật mà không bị trừng phạt, thì pháp luật không còn ý nghĩa. Vì vậy, sau khi có hệ thống văn bản pháp luật hoàn thiện thì phải tăng cường kỷ cương phép nước; tức là phải nghiêm trị các hành vi vi phạm pháp luật. Nếu như ai vi phạm pháp luật cũng đều bị trừng trị nghiêm khắc thì xã hội sẽ không có người dám vi phạm pháp luật.

Thứ hai, cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng khắc phục tình trạng Đảng làm thay Nhà nước. Những quyết định của các tổ chức đảng các cấp bao giờ cũng là quyết định của tập thể (được trên 50% số thành viên tán thành). Sau khi có quyết định của tập thể thì vai trò của người đứng đầu tổ chức đảng là truyền đạt quyết định của tập thể (chi bộ, đảng bộ, chi ủy, đảng ủy) cho các đảng viên; đồng thời kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đảng viên và các cấp ủy cấp dưới thực hiện quyết định đó. Một số quyết định có thể không được sự tán thành của 100% số thành viên (nghĩa là có một tỷ lệ

dưới 50% số thành viên không tán thành, trong số người không tán thành có thể có người đứng đầu tổ chức đảng). Tuy nhiên, theo nguyên tắc "thiểu số phục tùng đa số", thì ngay người đứng đầu tổ chức đảng cũng phải thực hiện quyết định của tổ chức đảng. Đối tượng thực hiện các quyết định của Đảng là các đảng viên. Đối tượng thực hiện các quyết định của Nhà nước là công dân (bao hàm cả đảng viên và người không phải đảng viên). Quyết định của Đảng khi chưa được pháp luật hoá thì không phải là quyết định áp dụng cho mọi công dân. Để một quyết định nào đó của Đảng trở thành quyết định của Nhà nước, thì quyết định ấy phải trở thành hình thức văn bản quy định pháp luật. Nếu đơn giản hóa quá trình này thì sẽ dẫn đến chỗ đồng nhất Đảng với Nhà nước, đồng nhất sự lãnh đạo của Đảng với sự quản lý của Nhà nước, tức là dẫn đến tình trạng Đảng làm thay Nhà nước. Phương thức thực hiện các quyết định của Đảng khác với phương thức thực hiện các quyết định của Nhà nước. Đối với các quyết định của cơ quan nhà nước, phương thức thực hiện là bắt buộc, mọi công dân thuộc đối tượng áp dụng quyết định có trách nhiệm thi hành quyết định, trách nhiệm đó là trách nhiệm pháp lý; nếu ai không thực hiện, thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các quyết định của Đảng, phương thức thực hiện là bắt buộc đối với các đảng viên và không bắt buộc đối với người không phải là đảng viên. Các đảng viên thực hiện quyết định của tổ chức đảng theo nguyên tắc "tập trung - dân chủ" và "thiểu số phục tùng đa số". Còn đối với pháp luật của Nhà nước thì mọi công dân có nghĩa vụ và trách

nhiệm thực hiện quyết định của mình. Đảng không cưỡng bức các đảng viên thực hiện quyết định của mình. Các đảng viên tự nguyện chấp hành quyết định của Đảng. Còn đối với Nhà nước, trong trường hợp công dân không chấp hành quyết định thì có thể cưỡng chế. Đây là sự khác nhau quan trọng giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với phương thức quản lý của Nhà nước. Phân biệt rõ sự khác nhau đó là điều kiện để khắc phục tình trạng Đảng làm thay Nhà nước và qua đó để phát huy tư tưởng thượng tôn pháp luật.

Tư tưởng thượng tôn pháp luật là một giá trị quan trọng trong văn hóa chính trị nói chung và văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay nói riêng. Đặc biệt ngày nay trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, thì việc phát huy tư tưởng thượng tôn pháp luật là vô cùng cần thiết và càng có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay nhiều người Việt Nam vẫn chưa có tư tưởng thượng tôn pháp luật. Đây là một khó khăn lớn đang cản trở việc đổi mới hệ thống chính trị nói riêng và sự nghiệp đổi mới đất nước nói chung. Thực tế đó đang đặt ra một nhiệm vụ cấp bách là cần nhận thức rõ hơn vai trò to lớn của tư tưởng thượng tôn pháp luật đối với sự phát triển của đất nước và từ đó tìm ra những giải pháp phù hợp để phát huy giá trị của tư tưởng ấy./.

Chú thích

1. Nước nào cũng có người vi phạm pháp luật. Nhưng ở Việt Nam, vi phạm pháp luật có những biểu hiện lạ lùng. Chẳng hạn, khi bạn tham gia

giao thông, thấy có đèn đỏ và dừng lại theo đúng luật giao thông thì có thể bạn sẽ bị người khác coi là điên. Đây là nhận xét của một người bị coi là điên: “Trưa 19/4, khi xe tôi đến trước vạch sơn ở một ngã tư trục Phố Huế - Hàng Bài (Hà Nội) thì đèn vàng tắt, đèn đỏ bật lên. Tôi dừng xe. Lập tức phía sau đội lên tiếng còi của ba bốn chiếc xe máy khác, bấm liên hồi với sắc thái giục giã và cáu bẳn. Rồi một tiếng chửi: “Điên à? Làm gì có công an mà dừng? Làm bộ mày cũng phải dừng theo”. (Xem: vietnamnet, ngày 23/4/2012).

2. Do Đảng lãnh đạo nên quyết định của Đảng đều được Nhà nước thông qua dưới hình thức văn bản pháp luật trước khi được thực hiện trong toàn dân. Tuy nhiên, do đơn hóa quá trình chuyển hóa từ văn bản của Đảng thành văn bản của Nhà nước, nên trên thực tế một số quyết định của Đảng chưa có được hình thức văn bản của Nhà nước (chưa được pháp luật hóa) vẫn được đưa ra để toàn dân thực

hiện. Ví dụ, đó là Chỉ thị số 100/CT-TU ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư đề ra về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã (HTX) nông nghiệp” (khoán 100).

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thành, 2009. *Một số vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. TS. Phạm Ngọc Trâm, 2011. *Quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam (1986-2011)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Yều, GS.TS. Lê Hữu Nghĩa (đồng chủ biên), 2006. *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.